

Bản án số: 103/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 08/12/2021

V/v ly hôn giữa ông T và bà L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Cao Lương Bằng, bà Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/HNGĐ – TLST ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Cao Quốc T; sinh năm 1963

Địa chỉ: tổ dân phố *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: bà Đinh Thị Thu L; sinh năm 1978

Địa chỉ: tổ dân phố *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình;

Tạm trú tại: công ty E bao tay y tế, khu công nghiệp L, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: tiểu khu 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Ông Nguyễn Tất T – phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2021); có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cao Quốc T trình bày:

- về hôn nhân: ông và bà L kết hôn năm 2005 tại UBND thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không hợp tính tình, cách sống, bà L đã bỏ đi vào tỉnh Đồng Nai để làm ăn, sinh sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 01/2020. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà L.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là Cao Quốc Đ, sinh ngày 14/9/2005 hiện tại con đang ở với ông T ở tổ dân phố *, thị trấn Q, nguyện vọng của ông T là xin được nuôi cháu Đ và không yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- tài sản chung: không có.

- nợ chung: hai vợ chồng có vay số tiền 45.000.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, nguyện vọng của ông T là sẽ tự trả số tiền vay này không yêu cầu bà L cùng trả.

Tại bản tự khai của cháu Cao Quốc Đ trình bày có nguyện vọng xin được ở với ông T để được bố chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Tất T trình bày: căn cứ khế ước vay vốn chương trình cho vay hộ cận nghèo số 6600000715797098 của ông Cao Quốc Tuấn và bà Đinh Thị Thu Lý vào ngày 16/7/2019 tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà L chấp hành đầy đủ nghĩa vụ trả lãi hàng tháng, dư nợ hiện tại là 45.000.000 đ. Nay ông T đề nghị chịu trách nhiệm trả nợ khoản vay này, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa nhất trí như ý kiến của ông T.

Ngày 10/11/2021, Tòa án Minh Hóa nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của bà L, nội dung đơn: bà L đang làm ăn ở tỉnh Đồng Nai, do tình hình dịch Covid 19 phức tạp nên không về được để tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án Minh Hóa nên bà L làm đơn xin xét xử vắng mặt. Về quan hệ hôn nhân: đồng ý ly hôn với ông T; về con chung: hai vợ chồng tự thỏa thuận; tài sản chung: không có; nợ chung: hai vợ chồng có vay số tiền 45.000.000 đ tại Phòng giao

dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, hai vợ chồng thỏa thuận ông T sẽ trả khoản tiền vay này.

Tại phiên tòa:

Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Về con chung: nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Quốc Đ và không yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: không có. Nợ chung: tự mình trả khoản vay số tiền 45.000.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Cao Quốc T và bà Đinh Thị Thu L; về con chung: giao con chung là cháu Cao Quốc Đ, sinh ngày 14/9/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản chung: không có; nợ chung: ông T phải trả khoản vay số tiền 45.000.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa; ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông T yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà L, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại tổ dân phố *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà L kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông T: vợ chồng ông T, bà L không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 01/2020. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà L cũng đồng ý ly hôn nhưng do bà L không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa mà Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự, ông T và bà L thuận tình ly hôn.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung là Cao Quốc Đ, sinh ngày 14/9/2005. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại cháu Đ đang ở ông T, ông T muốn nuôi dưỡng cháu Đ, cháu Đ cũng có nguyện vọng ở với ông T nên cần giao cháu Đ cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về các khoản vay nợ chung: đối với khoản vay số tiền 45.000.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, ông T có nguyện vọng tự mình trả khoản vay này không yêu cầu bà L cùng trả, Hội đồng xét xử xét thấy: nguyện vọng của ông T là tự nguyện, ông T cũng trả gốc và lãi hàng tháng đầy đủ cho Ngân hàng, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà L cũng ghi rõ là khoản tiền vay hai vợ chồng thỏa thuận để cho ông T tự mình trả, nhưng do bà L không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa mà Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cần buộc ông T phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 45.000.000 đ và lãi phát sinh.

[7]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[8]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ông Cao Quốc T ly hôn bà Đinh Thị Thu L.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Cao Quốc Đ, sinh ngày 14/9/2005 cho ông Cao Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông T không yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về quan hệ nợ chung:

4.1. Xác định khoản nợ vay 45.000.000 đ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa là nợ chung của ông T, bà L.

4.2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà L, ông T sẽ trả số tiền 45.000.000 đ (bốn mươi lăm triệu đồng) số tiền gốc và lãi phát sinh của khoản nợ vay số 600000715797098 tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

5. Về án phí: ông Cao Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000515 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

6. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/12/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

